

## *Vàng và máu*

Kể từ châu Kao Lâm ở phía đông và miền bản Slay ở phía tây mà đến, từ mạn bản Pắc đi xuống, và từ bản Hạ trở lên, cách non mười dặm chung quanh chỉ có quả núi đá Văn Dú là cao lớn nhất.

Sừng sững giữa trời, bao quát đôi cây gò đất, núi ấy trông dường bệ hách dịch như đứng làm chúa tể cho cả một vùng phong cảnh hoang vu. Dân Thổ ở các làng gần đó, ngày nào cũng trông thấy ngọn núi mù mù lam tím, nhô lên trên những hàng rừng xanh chi chít um tùm.

Những buổi hoàng hôn bóng chiều soi vàng một phía cũng như các ngày ủ dột âm u, Văn Dú lại hiện ra một vẻ riêng, oai linh và mầu nhiệm.

Đối với ngọn núi lớn, người Thổ không chỉ có tấm lòng kính cẩn phảng phất đối với mọi cảnh

bát ngát cao cả. Họ lại còn sợ hãi Văn Dú như một vật có tri giác, có quyền phép làm hại được người. Ở những miền quanh đó và trong thời bấy giờ, ai nói động tới Văn Dú là một sự gở lạ. Họ chỉ gọi đến tên quả núi trong những khi tức giận nhau mà chửi rửa, hay những khi thể bồi. Một người say rượu lớn tiếng xúc phạm đến Văn Dú cũng đủ làm cho khắp cả một châu biết đến tên mình; họ thuật lại những lời nói và cử chỉ của anh ta một cách e dè, nhưng chuyện anh ta nói lại là thú chuyện họ ưa nghe ưa kể nhất.

Núi Văn Dú có một cái hang lớn. Đó là nơi chứa những tai họa ghê gớm cho giống người Thổ và là cái nguồn những sự khủng khiếp và những chuyện kinh hoàng. Người ta gọi hang là hang Thần, vì đó là chỗ thần núi ở.

Thần núi Văn Dú linh thiêng lắm, lại rất độc ác và hay nghi ngờ. Người nào hoặc vô tình, hoặc cả gan đến gần thần núi là bị thần hang bắt vào giết đi. Cho nên từ Văn Dú trở ra chừng hai ba dặm chỉ toàn thấy rừng xác, đất hoang; người Thổ không dám đến khai phá để cày cấy.

Trong một năm có nhiều khi trời đất đang yên bỗng ùng ùng một cơn sấm sét. Trên không khí gió vù, chớp loáng như gươm thiêng vung tới; cây cối vật vã tan nát, người vật lo sợ mất hồn. Khắp mọi nhà đều khua gõ inh ỏi cùng với các *bà then*,

*thầy pháp* kêu khẩn cho đến khi nguôi cơn. Nhưng thế mới đỡ tai hại.

Lại nhiều khi, sau một hồi giông tố dữ dội, mây đen biến hết, ánh nắng lại soi xuống; bấy giờ trên đỉnh núi chập chờn một tầng khói phủ dần dần bay đi. Trong đám hơi trắng mà người ta bảo là nộ khí của thần hang, có người nói rằng thường trông thấy những hình bóng kỳ dị.

Trong trí tưởng tượng của người Thổ thì cửa hang Thần trông như mồm một con yêu hay con hổ quái gở. Cái mồm ấy phun ra những hơi độc làm thành dịch tễ, gió bão để phá hủy các làng. Trước cửa hang Thần, người thì bảo có toàn đầu lâu, người thì bảo có đủ các rắn rết. Lại có người khoe đã nằm mơ được vào tận trong lòng hang xem. Qua khỏi những chỗ nguy hiểm hết sức nói, thì đến nơi ruộng nương tươi tốt, suối chảy thông dong, cây lá rườm rà, bò lợn từng đàn ăn trên những bãi cỏ xanh non, lại có các nàng tiên nhớn như chẵn dất. Song cái bức ảnh đào nguyên kia, người tả cũng cho là một cảnh mai mĩ không thể làm dịu được vẻ độc ác của núi Văn Dú gây nên bởi những chuyện phao truyền từ trước đến giờ.

Những người già cả trong làng thì cho rằng hang Thần hóa thiêng là vì trong đó chôn cất không biết bao nhiêu thầy của quân giặc Khách. Bọn giặc này

sang tàn phá nước Nam khi trước bị quan quân đuổi riết, túng thế ẩn vào Văn Dú rồi bị hãm chết đói trong hang. Đứa nào cũng mang theo rất nhiều vàng đã cướp được của dân lành. Nay những của ấy hầu còn, nhưng chúng thành thần để giữ lấy.

Về đời ông cha họ thì dân cư vẫn thường cày cấy được ở gần hang Văn Dú; bấy giờ những tai họa chưa có mấy, nhưng mỗi khi sục sùi mưa gió, lại vắng vắng như có tiếng khóc thảm thiết lẫn với tiếng cười gằn; chốc chốc một cơn gió là là mặt đất chạy qua, cửa hang bỗng gập rít lên một cách giận dữ.

Gần làng kia thuộc châu Kao Lâm có một cái suối chảy đến. Suối phát nguyên từ Văn Dú và chạy ngang mặt đông bắc quả núi, là phía hang Thần trông ra. Như thế là một sự nguy khốn cho làng ấy. Đã có một hồi, muốn phòng những tai nạn, người ta đặt ra lệ tế thần Văn Dú hàng năm. Vật hy sinh là một người con gái đẹp. Tiếng oán khóc của các cha mẹ những người gái trinh bị giết quăng xuống suối nghe bi thảm đầy trời đất, nhưng không hề cảm được lòng những dân làng độc ác vì ngu dại kia.

May sao được mấy năm sau, có một ông quan trấn người Kinh nghiêm cấm không cho giết người như thế nữa.

Về sau họ thấy trong châu động dữ và đã mấy phen toan giữ lại lệ xưa, nhưng đều không thành.

Song cái tục vô đạo này tuy mất đi, cái linh thiêng của tà thần Văn Dú vẫn mỗi ngày một lớn, lòng mê muội và khiếp sợ của người miền ấy ngày một tăng thêm. Bao nhiêu điều huyền bí ngày một ly kỳ. Người Thổ cứ cha truyền con nối cho nhau tin, kể đã hơn hai trăm năm trời, cho đến bây giờ là năm Kỷ Tỵ (1627)<sup>(1)</sup>.

## . I .

Một buổi chiều mùa đông, trời rét căm căm, mưa phùn bay mù mịt.

Từ miền bản Đông thuộc châu Kao Lâm đến mạn Văn Dú, có hai người đàn ông Thổ đang rảo bước đi. Hai người mặc quần áo vải chàm; áo cộc thắt lưng chèn ngoài quần ngắn và chít ống. Mỗi người đeo một cái tay nải lớn ở sau vai. Một người trạc ngoài bốn mươi, nét mặt già dặn, mắt sâu, miệng nhỏ, thở hơi ra như khói, cái quai nón mắc xuống cầm đề lấy bộ râu thưa thưa bối rối còn lấp lánh những giọt nước mưa. Thịnh thoảng ông ta ngánh bảo người đi sau mấy lời. Người này không nói gì, cứ ra chân bước. Hắn còn trẻ; trông rắn rỏi và khỏe mạnh không kém

---

(1) Có lẽ có sự nhầm lẫn, năm 1627 là năm Đinh Mão. (BT)

người trước; hai môi dẫu, trán nhô và cao; đầu quấn một cái khăn lớn. Một tay hấn thủ vào trong áo, còn tay kia thì nắm một cái lao dài.

Hai người cứ trông thẳng phía núi đá mà tiến lên, khi xéo lên những lối rậm rạp bên đồi, lúc giẫm gãy những nắm rạ cụt ở ruộng lúa. Qua hết đồi này lại đến gò khác; những bụi cây xanh mưa ám mỗi ngày một rậm, đồng ruộng ngày một thưa; ngọn núi đá mờ mờ trong đám sương mù cũng ngày một rõ.

Gió bắc thổi bên tai vù vù từng trận. Trước mấy rặng rừng già hay trước những khóm cây nặng nề ướt át, những làn mưa bụi trắng từng lớp bay qua.

Chân tay mặt mũi hai người tái cứng đi. Giá cầu chắc không biết đau, có lẽ cũng không biết rét nữa. Quần áo phía trước, mưa hắt nhiều nên ướt đầm. Từ đầu gối trở xuống toàn những đất đỏ với bùn; mỗi lúc qua một đám cây thấp nào thì cành lá gạt sạch gần hết.

Đi tới miền đồi núi và bụi cây chen chúc nhau, không còn dấu vết cày cấy nữa, thì hai người Thổ trông thấy quả núi Văn Dú đứng chắn trước mặt, hình vóc cao lớn như ngăn đôi phần đất, đỉnh núi như chạm bầu trời.

Họ dừng chân ở cạnh một cái suối lòng sâu như vực. Nước suối xanh đặc như rêu thẫm, đang lừ lừ đi vào một cái hốc tối dưới mấy cụm cây lá xòe ra và phủ xuống như cánh tàn.

Họ cởi đôi hài xỏ<sup>(1)</sup> chùi xuống cỏ ướt rồi nhét vào trong nải. Rồi họ đứng thẳng dậy, ngảnh trông lại quãng đường họ vừa đi qua. Bấy giờ vào khoảng cuối giờ Thân (bốn giờ chiều), mưa đã gần tạnh. Bao nhiêu rừng núi đằng xa đều tan thành hơi trong đám sương dày trắng đục. Chân trời, một màu xám như bạc cũ, làm nổi bật những bụi rậm ở gần lên.

Trông sang mạn bờ suối bên kia, thì Văn Dú như sát lại cạnh mình. Quả núi lồng lộng đen sì làm át cả những đồng gò nhỏ mọn. Một vài bụi cây xơ xác chen lách dưới những tảng đá lớn mốc rêu. Về phía trong cùng, một rặng rừng thấp và thưa như không dám xanh tốt.

Hai người lẳng lặng tìm một chỗ đỡ trơn và hẹp nhất, lần lần bám víu lấy cành lá rẽ cây mà xuống; rồi lại chậm chạp khó nhọc như thế mà leo lên bờ suối bên kia.

Từ bờ suối bên kia, là địa phận của các sự ghê gớm.

Sang tới nơi, họ lại xỏ chân vào đôi giày rơm, rồi cùng nhau đi đến chân núi.

Lần này người tuổi trẻ phải cầm lao đi trước. Họ bước đi rón rén, cẩn thận, bốn mắt liếc đây liếc đó. Hơi có tiếng lạ cũng dừng lại bởi vì họ yên trí rằng họ đang đi vào một nơi hoang dại có lẽ chưa bao giờ có vết chân người.

---

(1) Thứ giày bện bằng rơm của người Thổ dùng đi đường xa.

Mưa đã tạnh hẳn rồi. Gió cũng đã ngớt. Chim chóc bắt đầu lên tiếng ở trên mấy ngọn cây cao hay trong ngách đá. Thỉnh thoảng một vài con quạ vừa bay ngang núi vừa kêu.

Đường đất cũng không đến nỗi khó đi quá như họ tưởng. Nhưng họ cũng không dám bước bạo.

Đi khỏi một cái đồi, qua mấy tảng đá nằm nghiêng trên đám cỏ lau thì đến một cụm cây hợp lại thành gần như một cái miếu. Thấp thoáng trong đám lá xanh um, thấy như có dấu vết một bức tường đồ nát. Hai người không đứng lại. Dẫn lên mười bước nữa, đi về phía chân núi, qua khỏi cái miếu nhỏ, thì hang Thần hiện ra.

Hang Thần trông cũng không to: bề cao bằng nửa cây gạo già mọc trước cửa. Miệng hang loe ra như cái miệng hũ. Phía trên có một chỗ toác ra như cái môi rách, phía dưới có hai tảng đá dài và nhọn đâm lên ở hai bên mép như hai cái nanh. Trông vào trong hang càng xa càng rộng, càng đen tối thêm thăm thẳm sâu vô cùng tận. Trên cửa hang chỉ chút các giống thảo mộc kỳ dị lấp lánh vì nước mưa phùn mới rửa. Từ trong kẽ đá, bò ra những khúc cây tròn và mốc, bám chặt vào miệng hang. Những dây những rễ, những lá đỏ, lá xanh, lớn bé lẫn lộn, mọc đầy mép hang; những cụm trúc rất nhỏ với những đám cỏ xác xơ chen nhau ở bên những khóm si con và những vùng tóc tiên xanh tốt.



Tiếng hạt nước đọng trên cao vẫn rơi xuống lớp đọt lệt đẹt không dứt, nghe mạnh hơn tiếng chim kêu ríu rít ở những ngọn cây nào. Bỗng chốc cơn gió thổi qua, một loạt nước đổ ào xuống như muôn nghìn quả chín rụng.

Hai người Thổ cùng nín tiếng, hai mắt mở lớn, người thì đưa nhìn tả, người liếc hữu, rồi lại trông vào cái lỗ hang đen tối âm thầm. Họ đã chực lẳng lẳng đi vào. Nhưng lại cùng nhau dấn bước qua, đi sang phía hữu hang Thần, đến bên lớp dứa ông xúm quanh chân mấy cây đại hình thù kỳ quái: những cây này đang uốn éo ở sát chân núi; cây thì chui ra khỏi một tảng đá vỡ, cây thì để cho dây leo quấn chằng chịt, nhiều cây đã đổ, gãy, bật hẳn rễ, mà vẫn còn sống như thường.

Đang tha thẩn nhìn, không có mục đích, hai người bỗng trông thấy một vật gì màu lam ở dưới một cụm dứa. Nhìn kỹ thì hình như một bọc vải – một thứ khăn gói màu lam – nằm trong đám lá đại với cỏ cao trên mặt đất. Nhưng không ai dám nói gì hết: nhiều vật tương tự như nhau có thể làm cho mình trông lầm được. Họ bèn bước lại gần để xem sao.

Thì ra một cái khăn gói thực. Một cái khăn gói đã mở, ướt như mới lấy ở dưới nước lên. Bên cạnh cái khăn gói ấy còn thấy một con dao rừng và một cái gậy lớn.

Hai người Thổ cùng kinh ngạc như nhau, mỗi người toan kêu lên: “Có ai qua đây rồi!” Nhưng không người nào nở thốt ra miệng một điều quái lạ như thế.

Ông già ngật ngừng một chút, rồi cúi xuống giở cái bọc ra xem: một cái áo chàm vải thô, gói lấy hai nén bạc còn nguyên, với lại...

Bỗng một tiếng khiếp sợ rú lên ở bên cạnh. Ông già đứng phắt dậy, nhìn thấy người con trai mặt tái mét, hai mắt mở to lạ, vừa chỉ về cái miếu trước mặt vừa lớn tiếng nói:

- *Kòi ka! Kòi ka!* (Kìa trông! Kìa trông!)

Vang núi cũng đáp lại hai tiếng “kòi ka!” nghe như lời quát tháo.

Ông già trông theo ngón tay trở thì thấy trong đám miếu nhỏ, một người chết treo dưới một cây bàng trĩu lá, mọc bên một bức tường đổ nát và mốc rêu:

Người chết hình vóc to lớn, đầu có bím vắt ra sau lưng. Chiếc dây chèo thông xuống thắt nút ở gáy và lẫn vào cổ, làm cho cái mặt phị, xám hơn bộ quần áo chàm ướn, cúi gằm xuống mà nhìn người ta bằng hai con mắt không có lòng đen. Hai bàn tay buông thông, để cho nước mưa ở năm đầu ngón rõ xuống như giọt gianh. Hai bàn chân đen sì kiểng ở trên không, như muốn với lấy đám lá sắc cỏ nhọn mọc ở mặt đất.